TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày: 16/01/2024
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thám.
2. Ông Phan Đình Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLST-DS ngày 20/4/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2023/QĐXXST-DS ngày ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trương Trọng L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn 1, xã I1, huyện I, tỉnh K. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ 15, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Phạm T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn N1, xã N, huyện S, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn anh Trương Trọng L trình bày: Tôi không quen biết ông Nguyễn Tấn H mà có quen anh Nguyễn Văn Toản, tên gọi khác là "Tèo", cuối năm 2022, anh Toản có đem xe biển kiểm soát 81A-20241 của ông Nguyễn Tấn H tìm người thế chấp vay tiền dùm cho ông H, do quen biết anh Toản nên vợ chồng tôi giới thiệu cho anh Toản với anh Phạm T, sinh năm 1994; địa chỉ: xã N, huyện S, tỉnh K, ở thôn nào của xã N tôi không rõ – để thế chấp xe vay tiền 400.000.000đ, vợ chồng tôi có đứng ra hứng nợ của ông Phạm T để ông T cho ông H (thông qua anh Toản) thế chấp xe ô tô 81A-20241 lấy 400.000.000đ. Vợ chồng tôi phải trả lãi theo thỏa thuận cho ông T, vợ chồng tôi có trách nhiệm trả số tiền 400.000.000đ gốc cho ông T nếu ông H không trả lại số tiền hứng nợ của ông T.

Đến ngày 12-01-2023 ông H đến thanh toán tiền chuộc xe ra tại nhà tôi có cả ông Toản, anh T cùng chứng kiến, khi đó giữa ông Toản và ông H có chấp nhận nợ tôi số tiền 250.000.000đ tiền gốc và lãi, có viết giấy nhận nợ vay tiền hứa 45 ngày sẽ trả, nay ông H không trả nên tôi yêu cầu ông H phải trả cho tôi số tiền nợ gốc 250.000.000đ và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/7/2023, Nguyên đơn ông L yêu cầu ông H phải trả cho ông số tiền 139.000.000đ, không yêu cầu ông H phải trả đủ 250.000.000đ và tiền lãi chậm thanh toán như đơn khởi kiện ban đầu nữa.

** Bị đơn ông Nguyễn Tấn H trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa trình bày:* Tôi và anh Trương Trọng L không quen biết nhau mà có biết nhau qua một người tên thường gọi là "Tèo", tên đầy đủ là Nguyễn Văn Toản - tôi chỉ biết nhà ở huyện Đak Pơ, còn địa chỉ cụ thể tôi không rõ, nay anh "Tèo" đi làm ăn ở đâu tôi cũng không rõ, tôi chỉ uống cà phê với anh Tèo vài lần, không quen lắm nên không biết hiện anh Tèo ở đâu. Ngày 12-12-2022 tôi có nhờ Tèo (Nguyễn Văn Toản) mang xe ô tô 81A-20241 của Tôi đi cầm cố lấy 400.000.000đ để làm ăn, Tèo mang xe đến nhà Trương Trọng L cầm lấy 400.000.000đ; Đến ngày 12-01-2023 tôi đến thanh toán tiền chuộc xe ra, thì ông L cùng nhiều người khác gây áp lực buộc tôi ghi giấy nhận nợ là 250.000.000đ, hẹn 45 ngày sẽ trả cho ông L; tôi có hỏi sao như vậy? thì ông L bảo là ông Tèo (Toản) sau khi cầm cố xe lấy 400.000.000đ, ít ngày sau lấy thêm 139.000.000đ nữa nên giờ gốc, lãi tôi phải thanh toán thêm chứ không phải 400.000.000đ như lúc cầm cố xe. Ông Tèo có nói giờ ông Tèo thanh toán trước 50.000.000đ, số còn lại, ông Tèo sẽ thanh toán sau; nhưng bên ông L không đồng ý. Vì lúc đó bên ông L nhiều người, gây áp lực buộc tôi phải ghi giấy là: "Hợp đồng vay nhận nợ"- mà nguyên đơn anh L cung cấp có trong hồ sơ 250.000.000đ, nên tôi có ghi cho ông L 01 giấy nhận vay số tiền 250.000.000đ, như giấy ông L nộp.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc ông H phải trả cho ông L số tiền vay đã nhận theo yêu cầu của ông L tại phiên họp ngày 14/7/2023 là 139.000.000đ; Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông L theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn ông L không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông L tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua nghe lời trình bày của bị đơn, ý kiến đề xuất hướng giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn ông H có địa chỉ: Tổ 15, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả lại tiền đã vay và tiền lãi chậm thanh toán của số tiền đã vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ

án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Nguyên đơn ông L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về pháp luật áp dung: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo "Giấy nhận nợ vay tiền" mà hai bên xác lập đề 12/01/2023, thời điểm này Bộ luật dân sự (BLDS) 2015 đang có hiệu lực pháp luật, nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[4] Về nội dung tranh chấp: Trong đơn khởi kiện ông L yêu cầu ông H thanh toán số tiền vay là 250.000.000đ và tiền lãi chậm thanh toán của số tiền trên kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ trả nợ; Ông L xuất trình chứng cứ là 01 bản gốc "Giấy nhận nợ vay tiền" 01 đề ngày 12/01/2023. Giấy này có chữ ký và điểm chỉ người vay mang tên Nguyễn Tấn H. Ông H thừa nhận chính là chữ ký, chữ viết và điểm chỉ của ông H. Như vậy, đây là điều không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

Ông H cho rằng thời điểm ông H viết giấy nhận nợ vay tiền nêu trên, ông bị nhóm ông L uy hiếp bắt viết giấy nhận nợ, chứ ông H không có nợ ông L khoản tiền này. Ông H không xuất trình được bất kỳ chứng cứ nào thể hiện có sự uy hiếp về mặt tinh thần như ông khai.

Theo chứng cứ là đoạn clip ghi hình do người làm chứng anh Phạm T cung cấp có tại hồ sơ nhận thấy: Thời điểm ông H viết giấy mượn tiền tại nhà ông L, có vợ chồng ông L, ông Nguyễn Thế T, ngoài ra không có ai khác, trong hình ảnh được ghi lại thể hiện ông H hoàn toàn tự do về mặt ý chí và tinh thần, tự ghi giấy mượn tiền không bị ai uy hiếp bắt phải viết giấy. Do vậy, việc ông cho rằng ông bị nhóm ông L uy hiếp bắt viết giấy nợ là không có căn cứ.

Ông H yêu cầu Tòa án triệu tập người tên "Tèo Khang" tham gia tố tụng, tuy nhiên ông H không cung cấp được họ tên, năm sinh, địa chỉ nơi cư trú cụ thể của người tên "Tèo Khang" hiện nay ở đâu để Tòa án triệu tập, nên yêu cầu này của ông H không được chấp nhận.

Tại phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/7/2023 ông L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu ông H phải trả cho ông số tiền 139.000.000đ, không yêu cầu ông H trả 250.000.000đ và tiền lãi chậm thanh toán. Đây là sự tự nguyện của ông L, căn cứ khoản 1 Điều 244 BLTTDS cần chấp nhận sự thay đổi này của ông L, buộc ông H phải trả cho ông L số tiền 139.000.000đ.

[4] Về án phí: Bị đơn ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu được Tòa án chấp nhận là: 139.000.000đ x 5% = 6.950.000đ; Nguyên đơn ông L không phải chịu án phí nên hoàn trả cho ông L số tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 470 BLDS 2015; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà ông Trương Trọng L:

- Buộc ông Nguyễn Tấn H phải trả cho ông Trương Trọng L số tiền 139.000.000đ (*Một trăm ba mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.950.000đ (*Sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ông Trương Trọng L không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.302.075đ (*Sáu triệu ba trăm lẻ hai nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006662 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (16/01/2024), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Riêng Nguyên đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Long Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Thám **Phan Đình Nguyên** **Lê Long Sơn**